

Bắc Quang, ngày 05 tháng 7 năm 2019

Số: 95/2019/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 1993; dân tộc: Dao;

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1987; dân tộc: Kinh;

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh G.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bàn Thị N và anh Trần Văn H.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị N và anh Trần Văn H thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh Trần Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Hà T, sinh ngày 15/6/2010 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và chị Bàn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Bảo H1, sinh ngày 23/10/2013 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh H và chị N có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về phân tài sản (công nợ chung): Các đương sự không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bàn Thị N tự nguyện chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0000772 ngày 03/6/2019

Trả lại cho chị Bàn Thị N 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND Hện Bắc Quang;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Bắc Quang;
- UBND x.T, h.Q; t. G
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Hà Tuấn Vĩnh